

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2020/DS-PT

Ngày: 11-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Tốn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08/5/2020, 26/5/2020, 13/7/2020, 11/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 2 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số A, đường L, Khóm M, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Hồ Mỹ S, sinh năm 1985; địa chỉ: Số M, khóm T, phường Đ, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 03/3/2020). (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1971; địa chỉ: Số B, khóm T, phường Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hứa Văn Đ, sinh năm 1967, địa chỉ: Số M, ấp k, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 10/8/2020). (có mặt)

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tuyết L - Là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Thị Kim L (đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích H TẠI Tòa án cấp sơ thẩm) trình bày: Trước đây, ngày 08/02/2018 bà H có cho bà Nguyễn Thị Tuyết L vay số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), mục đích vay để bà L làm ăn kinh doanh, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, nhưng có thỏa thuận khi nào bà H cần tiền sẽ thông báo cho bà L biết. Khi vay tiền bà L có làm biên nhận vay ngày 08/02/2018, bà L tự ký tên và viết họ tên vào biên nhận vay tiền này.

Từ khi vay đến nay, bà L chưa trả tiền vốn vay, tiền lãi cho bà H lần nào, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu bà L trả tiền của khoản vay này. Nay bà H yêu cầu bà L trả tiền vốn vay và tiền lãi tạm tính từ ngày 08/02/2018 đến ngày 26/11/2019 là 58.535.000đ; trong đó tiền vốn là 50.000.000đ và tiền lãi là 8.535.000đ. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi trả hết nợ vay. Ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì khác.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày: Bà L xác định không có nợ bà H số tiền 50.000.000đ theo biên nhận ngày 08/02/2018, bà L xác định không có viết và ký tên vào biên nhận vay ngày 08/02/2018. Tại phiên tòa bà L cho rằng biên nhận ngày 08/02/2018 không phải của năm 2018 và cho rằng số tiền này là do bà L vay của bà H giùm cho một người tên Đ vào khoảng năm 2016 - 2017. Bà L không đồng ý trả tiền vốn vay và tiền lãi vay theo yêu cầu của bà H.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết L phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích H tiền vốn vay và tiền lãi tính từ ngày 08/02/2018 đến ngày 26/11/2019 là 58.535.000đ (Năm mươi tám triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết L nộp 2.926.750 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Bích H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003525, ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Về chi phí giám định:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết L nộp 3.405.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm lẻ năm ngàn đồng) chi phí giám định. Do bà Nguyễn Thị Bích H đã nộp tiền tạm ứng, nên bà Nguyễn Thị Tuyết L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền tạm ứng chi phí giám định là 3.405.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm lẻ năm ngàn đồng).

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/12/2019 bà L kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Bà L không đồng ý trả cho bà H tiền vốn vay và tiền lãi tính từ ngày 08/02/2018 đến ngày 26/11/2019 là 58.535.000đ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

- + Bà S trình bày: Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với bà L về giải quyết vụ án, yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- + Bà L, ông Hứa Văn Đ trình bày: Các khoản vay năm 2017 đã được Tòa án tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vào năm 2019 không liên quan đến

số tiền ghi trong biên nhận ngày 08/02/2018. Yêu cầu trưng cầu giám định biên nhận bị sửa chữa, vì biên nhận do bà H cung cấp không phải lập vào năm 2018. Không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật

+ Về nội dung:

Bà H có cung cấp biên nhận ngày 08/02/2018 thể hiện bà L vay bà H số tiền 50.000.000đ, bà L không thừa nhận việc vay tiền của bà H và xác định có viết, ký tên vào biên nhận ngày 08/02/2018 nhưng không phải là năm 2018. Tòa sơ thẩm căn cứ vào biên nhận và xác định chữ viết và ký tên của bà Nguyễn Thị Tuyết L nên chấp nhận yêu cầu của bà H.

Qua xem xét nội dung đơn kháng cáo và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, biên nhận ngày 08/02/2018, bị chỉnh sửa năm, cụ thể là số 2016 sửa số “6” thành số “8”. Bà L cho rằng nhìn bằng mắt thường vẫn thấy nét sửa đổi nên đề nghị xem xét. Đại diện cho nguyên đơn là chị S, xác định biên nhận trên là năm 2018, có dấu chỉnh sửa thì cũng năm 2018. Nếu xác định không phải năm 2018, thì không phát sinh nợ. Vì những năm trước đây đã giải quyết bằng bản án khác.

Tại phiên tòa, bà L yêu cầu giám định con số “2018” để bảo vệ quyền lợi cho bà. Ngày 22/6/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp có kết luận giám định số 554/KL-KTHS đã kết luận về đối tượng giám định: *“Số 8 trong năm 2018 của biên nhận ngày 08/2/2018 đã bị sửa chữa. Số nguyên thủy là số 6”*.

Qua diễn biến phiên tòa, xác định bà H cho bà L vay tiền nhiều năm từ 2015 – 2017, do bà L không có khả năng trả nợ nên đến tháng 10 năm 2018 thì bà H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo biên nhận nợ vào ngày 01/9/2017 (bản án đã có hiệu lực) còn những khoản nợ năm 2015 – 2016 đã giải quyết xong. Nay bà H tiếp tục khởi kiện biên nhận ngày 08/2/2018 để tiếp tục yêu cầu bà L trả nợ số tiền 50 triệu, bà L xác định đây là biên nhận năm 2016 đã giải quyết nợ xong nên không đồng ý và theo kết luận giám định là của năm 2016. Tòa án cấp sơ thẩm, bà L có trình bày biên nhận năm 2018, con

số 8 không bình thường – tại dòng đầu tiên trang 8 của biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 29/11/2019 và đơn khiếu nại ngày 11/12/2019 sau kháng cáo 05 ngày cũng có trình bày yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xem xét (không dưới 3 lần) nhưng Tòa án chưa làm rõ.

Xét thấy, mặc dù biên nhận là do bà L viết và ký tên, nhưng nguyên đơn khởi kiện cho rằng vào thời điểm 08/2/2018. Tại phiên tòa chị S và bà H cũng khẳng định là của năm 2018, ngoài biên nhận này thì không có chứng cứ nào khác để xem xét. Qua diễn biến và kết quả giám định xác định số nguyên thủy là năm 2016 nên bị đơn kháng cáo là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn là chưa phù hợp. Tại Tòa án cấp phúc thẩm chị L cung cấp tài liệu chứng cứ xác định là nợ năm 2016 nên có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Do đó, đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Bà L làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, thủ tục đúng quy định nên chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ. Bà H ủy quyền cho chị Hồ Thị S và bà L ủy quyền cho ông Hứa Văn Đ, thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng phù hợp quy định nên chấp nhận.

[2] Bà S yêu cầu bà L trả cho bà H số tiền vốn, lãi là 58.535.000đ. Chứng cứ chứng minh là biên nhận vay ngày 08/02/2018, do bà L viết, ký tên. Mục đích vay là để trồng cây kiểng kinh doanh, nên thỏa thuận lãi 3%/tháng, nay yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng. Đối với nợ vay trước đây đã khởi kiện xét xử xong, còn đây là khoản vay cuối cùng do bà L hứa bán đất trả nợ nhưng không thực hiện nên mới kiện sau.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà L khai không có vay số tiền nói trên, mà số tiền 50 triệu ghi trong biên nhận là bà vay giùm cho ông Trần Văn Đ và cũng đã trả xong. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hứa Văn Đ không đồng ý yêu cầu của bà H về việc đòi bà L trả số tiền 50.000.000đ, vì Tòa án cấp phúc thẩm đã trưng cầu giám định việc sửa chữa biên nhận và theo kết luận giám định đã xác

định “số 8 trong năm 2018 của biên nhận ngày 08/02/2018 đã bị sửa chữa, số nguyên thủy là số 6”.

[3] Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm, bà L có khai số tiền ghi tại biên nhận ngày 08/02/2018 đã được Tòa án 02 cấp giải quyết vào năm 2019, nhưng sau đó bà khai lại là trước đây viết nhiều biên nhận nên không nhớ hết (bút lục số 29). Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L khai biên nhận không phải của năm 2018 và tiền này là bà vay giùm cho người khác vào khoảng năm 2016 – 2017 đồng thời biên nhận ghi năm 2018, chữ số 8 không bình thường nhưng chưa được làm rõ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L trình bày biên nhận này là biên nhận vay của năm 2016 đã trả xong, nhưng bà H sửa lại thời gian viết biên nhận thành năm 2018 để khởi kiện đòi nợ.

Bà S, bà L và ông Hứa Văn Đ đều thống nhất xác định các khoản vay của năm 2016 bà L đã thanh toán xong không còn thiếu nợ, đồng thời số tiền vay đang giải quyết này không liên quan đến các khoản vay của năm 2017 (các khoản nợ vay trong năm 2017 được giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 32/2019/DS-PT ngày 19/3/2019). Theo kết luận giám định số 554/KL-KTHS ngày 22/6/2020 của Công an tỉnh Đồng Tháp, xác định: *Số 8 trong năm 2018 của biên nhận ngày 8/02/2018 đã bị sửa chữa. Số nguyên thủy là số 6.* Sau khi có kết luận giám định thì bà H cho rằng, có thể khi viết biên nhận bà L cố ý viết sai (viết năm 2016 để sửa lại thành năm 2018) nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay Bà S thừa nhận không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà H, trong khi đó ông Hứa Văn Đ không thừa nhận nợ. Qua đó cho thấy, biên nhận vay tiền được lập vào năm 2016 và đã trả xong theo như hai bên đã thừa nhận bà L không còn thiếu nợ vay trong năm 2016, vì vậy yêu cầu kháng cáo của bà L là có cơ sở nên không chấp nhận yêu cầu của bà H đòi bà L trả 50 triệu đồng.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhận dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của bà H là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Án phí: Bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.926.000đ. Bà L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Chi phí giám định: Theo bà L trình bày, trước đây bà viết nhiều biên nhận nên không nhớ hết (bút lục số 29) và ông Hứa Văn Đ trình bày, do bà L

không có vay tiền ngày 08/02/2018, nên bà L khai là không có ký tên biên nhận. Bà H đưa ra biên nhận làm chứng cứ chứng minh không phù hợp quy định của pháp luật, nên phải chịu chi phí giám định là 16.035.000đ.

Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của bà H đòi bà L trả số tiền vay 50 triệu đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết L.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết L phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền vay và lãi là 58.535.000đ.

3. Về án phí:

Bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.926.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 1.344.000đ theo biên lai số 0003525 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Bà H còn phải nộp tiếp số tiền là 1.582.000đ.

Bà L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng số 0004372 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chi phí giám định: Bà H phải chịu số tiền là 16.035.000đ, trong đó bà H đã tạm ứng 3.405.000đ và đã chi xong, vậy bà H phải nộp số tiền 12.630.000đ để hoàn trả cho bà L (vì bà L đã tạm ứng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Tp S;
- Chi cục THADS Tp S;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng